

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất
trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XI - KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 2347/TTr-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh về việc đề nghị thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh: Tổng số 242 công trình, dự án; diện tích 1.875,641 ha; dự kiến kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng 1.511.560.122.476 đồng (ngân sách tỉnh 65.186.130.976 đồng, ngân sách huyện 266.795.966.500 đồng và nguồn vốn khác 1.179.578.025.000 đồng). Cụ thể như sau:

(1) Huyện Kông Chro: 05 công trình, dự án với diện tích 5,408 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 2.260.000.000 đồng (ngân sách tỉnh và nguồn vốn khác).

(2) Huyện Chư Prông: 08 công trình, dự án với diện tích 2,541 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 37.480.000.000 đồng (ngân sách huyện và nguồn vốn khác).

(3) Huyện Chư Sê: 20 công trình, dự án với diện tích 56,745 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 21.367.000.000 đồng (ngân sách tỉnh và ngân sách huyện).

(4) Thành phố Pleiku: 15 công trình, dự án với diện tích 85,021 ha và kinh

phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 590.498.054.000 đồng (ngân sách thành phố và nguồn vốn khác).

(5) Huyện Chư Păh: 28 công trình, dự án với diện tích 180,711 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 101.371.654.000 đồng (ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và nguồn vốn khác).

(6) Huyện Đak Đoa: 10 công trình, dự án với diện tích 92,031 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 23.440.000.000 đồng (ngân sách huyện và nguồn vốn khác).

(7) Huyện Kbang: 11 công trình, dự án với diện tích 28,160 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 19.650.250.000 đồng (ngân sách huyện và nguồn vốn khác).

(8) Thị xã Ayun Pa: 16 công trình, dự án với diện tích 87,310 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 87.000.000.000 đồng (ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và nguồn vốn khác).

(9) Thị xã An Khê: 19 công trình, dự án với diện tích 66,797 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 164.614.700.000 đồng (ngân sách thị xã và nguồn vốn khác).

(10) Huyện Mang Yang: 10 công trình, dự án với diện tích 9,733 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 5.542.420.000 đồng (ngân sách huyện và nguồn vốn khác).

(11) Huyện Chư Pưh: 08 công trình, dự án với diện tích 251,330 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 44.260.000.000 đồng (ngân sách tỉnh và nguồn vốn khác).

(12) Huyện Đức Cơ: 12 công trình, dự án với diện tích 76,036 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 61.632.111.000 đồng (ngân sách huyện và nguồn vốn khác).

(13) Huyện Ia Pa: 08 công trình, dự án với diện tích 675,963 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 239.039.130.976 đồng (ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và nguồn vốn khác).

(14) Huyện Đăk Pơ: 17 công trình, dự án với diện tích 19,931 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 6.283.500.000 đồng (ngân sách huyện và nguồn vốn khác).

(15) Huyện Phú Thiện: 18 công trình, dự án với diện tích 57,206 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 53.682.449.000 đồng (ngân sách huyện và nguồn vốn khác).

(16) Huyện Krông Pa: 22 công trình, dự án với diện tích 67,053 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 27.438.853.500 đồng (ngân

sách huyện và nguồn vốn khác).

(17) Huyện Ia Grai: 15 công trình, dự án với diện tích 113,665 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 26.000.000.000 đồng (ngân sách huyện và nguồn vốn khác).

(Có danh mục kèm theo).

Điều 2. Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Gia Lai khóa XI, Kỳ họp thứ Mười sáu thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban TVQH;
- VPQH, VPCP;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai; Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo và chuyên viên Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Châu Ngọc Tuấn

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 275/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh Gia Lai)

STT	Tên công trình dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Hiện trạng	Cơ sở thực hiện	Dự kiến số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (đồng)				Ghi chú
						Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Nguồn vốn khác	
I. Huyện Kông Chro			5.408			2,260,000,000	1,600,000,000		660,000,000	
1	Đường quy hoạch giao thông (Đoạn từ đường Kpă Klong đến đường Trần Phú)	Thị trấn Kông Chro	0.976	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Báo cáo số 533/BC-BQL ngày 05/10/2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Kông Chro Báo cáo số 344/BC-UBND ngày 14/10/2020 của UBND huyện Kông Chro	700,000,000	700,000,000			
2	Đường vành đai thị trấn Kông Chro (Đoạn từ Tỉnh lộ 667 đến làng Đê Ktôh)	Thị trấn Kông Chro	1.757	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Báo cáo số 533/BC-BQL ngày 05/10/2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Kông Chro Báo cáo số 344/BC-UBND ngày 14/10/2020 của UBND huyện Kông Chro	900,000,000	900,000,000			
3	Bố trí, ổn định dân di cư tự do huyện Kông Chro	Các xã: Yang Trung, Chợ Long, Yang Nam, Đăk Pơ Pho	2.500	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn	Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh Gia Lai	450,000,000			450,000,000	Ngân sách Trung ương
4	Bố trí dân cư vùng thiên tai cấp bách huyện Kông Chro	Xã Đăk Kơ Ning	0.120	Đất trồng cây hàng năm khác	Công văn số 436/SNNPTNT-CCPTNT ngày 05/3/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	10,000,000			10,000,000	Ngân sách Trung ương
5	Hoàn thiện lưới điện phân phối tỉnh Gia Lai (đồng bộ dự án KfW3.1)	Thị trấn Kông Chro	0.055	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Công văn số 4121/CREB-QLCT ngày 09/10/2020 của Ban quản lý dự án Điện nông thôn Miền Trung Quyết định số 3205/QĐ-EVNCPC ngày 20/4/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung Quyết định số 8422/QĐ-EVNCPC ngày 29/9/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	200,000,000			200,000,000	Vốn ngành điện
II. Huyện Chư Prông			2.541			37,480,000,000		37,180,000,000	300,000,000	
1	Quy hoạch điều chỉnh Chợ thị trấn Chư Prông và khu dân cư tổ dân phố 3	Thị trấn Chư Prông	0.552	Đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Quyết định số 2029/QĐ-UBND ngày 16/7/2020 của UBND huyện Chư Prông	2,650,000,000		2,650,000,000		
2	Hạ lưu cống Km 24+400 đường Tỉnh 665	Xã Ia Ga	0.027	Đất trồng cây lâu năm	Công văn số 1645/UBND-KT ngày 22/9/2020 của UBND huyện Chư Prông	105,000,000		105,000,000		
3	Đường giao thông, hệ thống điện các khu quy hoạch xã Bàu Cạn	Xã Bàu Cạn	0.070	Đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 132/NQ-UBND ngày 15/7/2020 của HĐND huyện Chư Prông	200,000,000		200,000,000		
4	Cầu từ thị trấn Chư Prông qua đội 10 xã Ia Drang	Thị trấn Chư Prông và xã Ia Drang	0.012	Đất trồng cây lâu năm	Công văn số 83/UBND-KT ngày 20/01/2020 của UBND huyện Chư Prông	25,000,000		25,000,000		
5	Khôi phục khả năng vận hành đường dây 110kV 171/Chư Sê - 172/ Chư Prông	Xã Ia Me	0.025	Đất trồng cây lâu năm	Công văn số: 1383/GLPC-KHVT ngày 11/5/2020 và 3660/GLPC-QLDA ngày 17/9/2020 của Công ty Điện lực Gia Lai	100,000,000			100,000,000	Vốn ngành điện
6	Quảng trường, công trình cộng cộng và khu dân cư trung tâm thị trấn Chư Prông	Thị trấn Chư Prông	0.479	Đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 22/8/2014 và Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 02/3/2017 của UBND huyện Chư Prông	16,200,000,000		16,200,000,000		

7	Công trình công cộng (Công viên cây xanh ven hồ thị trấn - Giai đoạn 2) thuộc dự án: Quy hoạch chi tiết khu dân cư ven hồ tại thị trấn Chư Prông, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Thị trấn Chư Prông	0.426	Đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 và Quyết định số 363B/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND huyện Chư Prông	18,000,000,000		18,000,000,000		
8	Đường liên xã Ia Bắng - xã Ia Vê, huyện Chư Prông (Bổ sung)	Xã Ia Vê	0.950	Đất trồng cây lâu năm	Công văn số 863/HĐND-VP ngày 25/4/2016 của Thường trực HĐND tỉnh Gia Lai và Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Gia Lai	200,000,000			200,000,000	Ngân sách Trung ương
III. Huyện Chư Sê			56.745			21,367,000,000	647,000,000	20,720,000,000		
1	Kè chống sạt lở trung tâm hành chính huyện	Thị trấn Chư Sê	4.375	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của UBND tỉnh Gia Lai	10,750,000,000		10,750,000,000		
2	Kênh tiếp nước hồ Mnúi	Xã Chư Pong	0.120	Đất trồng cây lâu năm	Công văn số 59/CV-BQL ngày 13/10/2020 của Ban quản lý đầu tư xây dựng huyện Chư Sê Công văn số 539/BC-UBND ngày 21/10/2020 của UBND huyện Chư Sê	147,000,000	147,000,000			
3	Nhà rông văn hóa	Xã Chư Pong	2.000	Đất trồng cây lâu năm	Báo cáo 161/BC-UBND ngày 12/10/2020 của UBND xã Chư Pong Công văn số 539/BC-UBND ngày 21/10/2020 của UBND huyện Chư Sê	900,000,000		900,000,000		
4	Điểm trường Huỳnh Thúc Kháng	Xã Chư Pong	0.500	Đất trồng cây lâu năm	Báo cáo 161/BC-UBND ngày 12/10/2020 của UBND xã Chư Pong Công văn số 539/BC-UBND ngày 21/10/2020 của UBND huyện Chư Sê	300,000,000		300,000,000		
5	Đường Phan Đình Phùng - Đoạn ngã ba làng Pan	Xã Dun	3.000	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Chư Sê	3,000,000,000		3,000,000,000		
6	Lò đốt rác	Xã Bar Măih	0.300	Đất trồng cây lâu năm cây	Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 06/11/2018 của UBND huyện Chư Sê Văn bản đăng ký ngày 09/10/2020 của UBND xã Bar Măih	70,000,000		70,000,000		Đất của Ban quản lý rừng phòng hộ Chư Sê
7	Nghĩa trang xã	Xã Bar Măih	3.000	Đất trồng cây lâu năm cây	Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 06/11/2018 của UBND huyện Chư Sê Văn bản đăng ký ngày 09/10/2020 của UBND xã Bar Măih	500,000,000		500,000,000		Đất của Ban quản lý rừng phòng hộ Chư Sê
8	Tịnh xá Ngọc Kính	Xã Bờ Ngoong	0.300	Đất trồng cây lâu năm	Công văn số 1870/UBND-KGVX ngày 27/8/2019 của UBND tỉnh Gia Lai					Không bồi thường
9	Kênh mương thủy lợi xã Ayun	Xã Ayun	7.000	Đất trồng lúa	Báo cáo số 135/BC-UBND ngày 09/10/2020 của UBND xã Ayun Công văn số 539/BC-UBND ngày 21/10/2020 của UBND huyện Chư Sê	3,000,000,000		3,000,000,000		
10	Nhà bia tưởng niệm liệt sĩ	Xã Ayun	0.210	Đất trồng cây lâu năm	Báo cáo số 135/BC-UBND ngày 09/10/2020 của UBND xã Ayun Công văn số 539/BC-UBND ngày 21/10/2020 của UBND huyện Chư Sê					Không bồi thường
11	Nhà văn hóa làng A Chông	Xã Ayun	0.040	Đất trồng cây hàng năm	Báo cáo số 135/BC-UBND ngày 09/10/2020 của UBND xã Ayun Công văn số 539/BC-UBND ngày 21/10/2020 của UBND huyện Chư Sê					Không bồi thường
12	Nâng cấp đập thủy lợi Păng Roh (Ia Hboonng)	Xã Al Bá	1.200	Đất trồng lúa	Báo cáo số 170/BC-UBND ngày 14/10/2020 của UBND xã Al Bá Công văn số 539/BC-UBND ngày 21/10/2020 của UBND huyện Chư Sê	400,000,000		400,000,000		

13	Tịnh xá Ngọc Chư	Xã Kông Htok	2.000	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 126/QĐ-BTS ngày 01/11/2020 của Ban Trị sự Giáo hội phật giáo tỉnh Gia Lai Công văn số 246/SNV-BTG ngày 29/10/2020 của Sở Nội vụ					Không bồi thường
14	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Dơ Nông Ó	Xã Kông Htok	0.030	Đất trồng cây lâu năm	Văn bản đăng ký ngày 08/10/2020 của UBND xã Kông Htok ngày 08/10/2020 Công văn số 539/BC-UBND ngày 21/10/2020 của UBND huyện Chư Sê	300,000,000		300,000,000		
15	Nghĩa trang nhân dân xã	Xã Kông Htok	1.000	Đất rừng phòng hộ (đất trống)	Văn bản đăng ký ngày 08/10/2020 của UBND xã Kông Htok ngày 08/10/2020 Công văn số 539/BC-UBND ngày 21/10/2020 của UBND huyện Chư Sê					Không bồi thường
16	Tịnh xá Ngọc Đồng	Xã Ia Blang	1.500	Đất trồng cây lâu năm	Công văn số 943/UBND-KGVX ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh Gia Lai					Không bồi thường
17	Chùa Phước Điền	Xã Ia Hlốp	0.600	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 21/QĐ-BTS ngày 29/01/2019 của Ban Trị sự giao hội phật giáo tỉnh Gia Lai					Không bồi thường
18	Làng nông thôn kiểu mới tại làng Kte	Xã HBông	20.000	Đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm khác và đất ở	Quyết định 1256/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND huyện Chư Sê	1,000,000,000		1,000,000,000		
19	Mương thủy lợi	Xã HBông	8.000	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Quyết định 1256/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND huyện Chư Sê	500,000,000		500,000,000		
20	Đường liên huyện Chư Sê - Chư Pưh - Chư Prông	Xã Ia Ko	1.570	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết 216/NQ-HĐND ngày 08/5/2020 của HĐND tỉnh Gia Lai	500,000,000	500,000,000			
IV. Thành phố Pleiku			85.021			590,498,054,000		20,026,454,000	570,471,600,000	
1	Khu đô thị sinh thái khu vực miệng núi lửa âm làng Óp	Phường Hoa Lư	33.308	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 28/5/2020 của UBND thành phố Pleiku	170,625,000,000			170,625,000,000	Vốn doanh nghiệp
2	Suối Hội Phú đoạn 3 (Đoạn từ Khu phố Hoa Lư Phù Đồng đến cầu Ia Sol)	Các phường: Phù Đồng và Hoa Lư	49.700	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Quyết định số 1006/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của UBND thành phố Pleiku	396,177,000,000			396,177,000,000	Vốn doanh nghiệp
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư xã Chư HDrông (Hộ ông Nguyễn Công Ngọc và Trần Thị Lê)	Phường Chi Lăng	0.025	Đất ở tại đô thị	Quyết định 2298/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND thành phố Pleiku	1,375,000,000		1,375,000,000		
4	Khu dân cư xã Chư HDrông (giai đoạn II)	Phường Chi Lăng	0.763	Đất rừng sản xuất (rừng trồng)	Căn cứ Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 23/3/2009 của UBND tỉnh Gia Lai	500,000,000		500,000,000		
5	Nhà tạm cư Hoa Lư - Khu quy hoạch chi tiết khu ngã ba và khu 8,4 ha cầu sắt (Cổng Ia Soil)	Phường Hoa Lư	0.012	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định 812/QĐ-UB ngày 28/10/2004 của UBND tỉnh Gia Lai	168,000,000		168,000,000		
6	Nâng cao khả năng vận hành đường dây 110kV khu vực Gia Lai năm 2021	Xã Diên Phú	0.015	Đất trồng cây lâu năm và đất rừng đặc dụng (đất trống)	Công văn số 4044/GLPC-QLDA ngày 09/10/2020 của Công ty Điện lực Gia Lai	20,000,000			20,000,000	Vốn ngành điện

7	Hoàn thiện lưới điện phân phối tỉnh Gia Lai (đồng bộ dự án KfW3.1)	Các phường: Yên Đỗ, Yên Thế và Thắng Lợi	0.019	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Công văn số 4125/CREB-QLCT ngày 09/10/2020 của Ban quản lý dự án Điện nông thôn Miền Trung Quyết định số 3205/QĐ-EVNCPC ngày 20/4/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung Quyết định số 8422/QĐ-EVNCPC ngày 29/9/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	92,000,000			92,000,000	Vốn ngành điện
8	Đường Bé Văn Đàn (đoạn Lê Thánh Tôn - Lương Đình Cửa)	Các phường: Hội Phú và Trà Bá	0.137	Đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Tờ trình số 144/TTr-BQL ngày 06/10/2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	2,466,000,000		2,466,000,000		
9	Đường Kim Đồng (đoạn Phạm Văn Đồng - Lê Đại Hành)	Phường Đồng Đa	0.124	Đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Tờ trình số 144/TTr-BQL ngày 06/10/2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	3,472,000,000		3,472,000,000		
10	Đường Ngô Gia Khâm (đoạn Nguyễn Viết Xuân - Trường Chinh)	Các phường: Trà Bá, Phù Đồng và Hội Phú	0.140	Đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Tờ trình số 144/TTr-BQL ngày 06/10/2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	6,440,000,000		6,440,000,000		
11	Đường Hà Huy Tập (đoạn Phạm Ngọc Thạch - Lê Văn Hưu)	Phường Yên Thế	0.220	Đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Tờ trình số 144/TTr-BQL ngày 06/10/2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	3,080,000,000		3,080,000,000		
12	Đường Ký Con (đoạn Tôn Đức Thắng - Phạm Văn Đồng)	Phường Yên Thế	0.090	Đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Tờ trình số 144/TTr-BQL ngày 06/10/2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	1,620,000,000		1,620,000,000		
13	Đầu nối 110kV sau TBA 500kV Pleiku 2	Xã Ia Kênh	0.450	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất (đất trồng và đất rừng trồng) và đất ở tại nông thôn	Tờ trình số 4161/CREB-ĐB ngày 12/10/2020 của Ban quản lý dự án Điện nông thôn miền Trung Quyết định số 5738/QĐ-EVNCPC ngày 12/10/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	3,540,000,000			3,540,000,000	Vốn ngành điện
14	Chinh trang đô thị (thu hồi đất của 02 hộ Đinh Thị Đào và Phạm Thị Bảy) tại ngã 3 Phan Đình Phùng - Trần Quý Cáp	Phường Tây Sơn	0.004	Đất ở tại đô thị	Báo cáo số 200/BC-UBND ngày 26/12/2017 của UBND phường Hoa Lư Báo cáo số 153/BC-TTPTQĐ ngày 15/5/2019 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Pleiku Công văn số 3037/UBND-TNMT ngày 28/10/2020 của UBND thành phố Pleiku	905,454,000		905,454,000		
15	Nhánh rẽ 500kV (Nhánh rẽ số 1 và số 2 tách 500kV Pleiku - Cầu Bông): Sửa chữa và xây dựng kè móng và mương thoát nước bảo vệ móng trụ	Xã Ia Kênh	0.014	Đất trồng cây lâu năm	Công văn số 1431/TTĐGL-KHVT ngày 03/11/2020 của Truyền tải Điện Gia Lai Quyết định số 1451/QĐ-PTC3 ngày 31/3/2020 của Công ty Truyền tải Điện 3 Quyết định số 2898/QĐ-PTC3 ngày 15/6/2020 của Công ty Truyền tải Điện 3	17,600,000			17,600,000	Vốn ngành điện
V. Huyện Chư Păh			180.711			101,371,654,000	1,500,000,000	72,752,311,000	27,119,343,000	
1	Đầu tư phát triển du lịch cộng đồng	Xã Chư Đang Ya	3.100	Đất trồng cây hàng năm	Công văn số 2282/SKHĐT-SBADP ngày 02/10/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo số 415/BC-UBND ngày 23/10/2020 của UBND huyện Chư Păh	1,500,000,000	1,500,000,000			

2	Thực hiện điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xây dựng thị trấn Phú Hòa (thu hồi đất của Công ty TNHH MTV cao su Chư Păh giao lại cho địa phương thực hiện)	Thị trấn Phú Hòa	6.000	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 10/3/2006 của UBND tỉnh Gia Lai	1,751,580,000		1,751,580,000		
3	Khu dân cư và công trình công cộng phía Bắc đường Hùng Vương	Thị trấn Phú Hòa	50.000	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 10/3/2006 của UBND tỉnh Gia Lai	14,585,400,000		14,585,400,000		
4	Dương Nguyên Văn Linh và một số tuyến đường khác trên địa bàn thị trấn Phú Hòa	Thị trấn Phú Hòa	7.500	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của UBND tỉnh Gia Lai	9,585,000,000		9,585,000,000		
5	Mở rộng, xây dựng mới các tuyến đường trong nội thị	Thị trấn Phú Hòa	7.500	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Công văn số 83/CV-UBND ngày 10/9/2020 của UBND thị trấn Phú Hòa Bảo cáo số 415/BC-UBND ngày 23/10/2020 của UBND huyện Chư Păh	3,600,000,000		3,600,000,000		
6	Công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất để cấp nước sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Phú Hòa (vùng bảo hộ vệ sinh các giếng nước, đường ống dẫn nước và đường vào các giếng)	Thị trấn Phú Hòa	1.060	Đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của UBND tỉnh Gia Lai	10,252,175,000		10,252,175,000		
7	Trạm thực nghiệm chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp	Thị trấn Phú Hòa	2.000	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Công văn số 61/TTDVNN-HCTH ngày 14/9/2020 của Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Chư Păh Bảo cáo số 415/BC-UBND ngày 23/10/2020 của UBND huyện Chư Păh	960,000,000		960,000,000		
8	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã	Xã Đak Tơ Ve	7.000	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Công văn số 66/UBND-ĐC ngày 14/9/2020 của UBND xã Đăk Tơ Ve Bảo cáo số 415/BC-UBND ngày 23/10/2020 của UBND huyện Chư Păh	1,050,000,000		1,050,000,000		
9	Xây dựng, cải tạo các tuyến kênh mương	Xã Đak Tơ Ve	5.000	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Công văn số 66/UBND-ĐC ngày 14/9/2020 của UBND xã Đăk Tơ Ve Bảo cáo số 415/BC-UBND ngày 23/10/2020 của UBND huyện Chư Păh	750,000,000		750,000,000		
10	Công viên và bãi rác	Xã Đak Tơ Ve	4.300	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Công văn số 66/UBND-ĐC ngày 14/9/2020 của UBND xã Đăk Tơ Ve Bảo cáo số 415/BC-UBND ngày 23/10/2020 của UBND huyện Chư Păh	645,000,000		645,000,000		
11	Trạm y tế	Xã Đak Tơ Ve	0.500	Đất ở nông thôn và đất nông nghiệp	Công văn số 1660/SYT-KHTC ngày 04/9/2020 của Sở Y tế Gia Lai	250,000,000		250,000,000		Vốn vay và viện trợ không hoàn lại của ADB
12	Công viên và bãi rác	Xã Hà Tây	7.000	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Báo cáo số 106/BC-UBND ngày 17/9/2020 của UBND xã Hà Tây Bảo cáo số 415/BC-UBND ngày 23/10/2020 của UBND huyện Chư Păh	1,050,000,000		1,050,000,000		

13	Mở rộng, thực hiện các đường giao thông trên địa bàn xã	Xã Hà Tây	10.000	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Báo cáo số 106/BC-UBND ngày 17/9/2020 của UBND xã Hà Tây Báo cáo số 415/BC-UBND ngày 23/10/2020 của UBND huyện Chư Păh	150,000,000		150,000,000		
14	Mở rộng trường học làng Kon Kơ Mồ, Kon Sơ Lăng, Kon Hngleh	Xã Hà Tây	2.000	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Báo cáo số 106/BC-UBND ngày 17/9/2020 của UBND xã Hà Tây Báo cáo số 415/BC-UBND ngày 23/10/2020 của UBND huyện Chư Păh	300,000,000		300,000,000		
15	Trạm bảo vệ rừng	Xã Hà Tây	0.060	Đất trồng cây hàng năm và đất trồng cây lâu năm	Công văn số 1678/UBND-NL ngày 01/8/2019 của UBND tỉnh Gia Lai	40,000,000		40,000,000		
16	Điểm trường làng Kon Kơ Mồ	Xã Hà Tây	0.250	Đất trồng cây hàng năm khác	Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 27/4/2012 của UBND huyện Chư Păh	37,500,000		37,500,000		
17	Hồ chứa nước Ia Prat	Xã Ia Khuol	27.000	Đất trồng lúa và đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 452/QĐ-UBND ngày 05/4/2012 của UBND huyện Chư Păh Báo cáo số 415/BC-UBND ngày 23/10/2020 của UBND huyện Chư Păh	20,851,040,000		20,851,040,000		
18	Sân bóng của xã và Trụ sở cơ quan	Xã Hòa Phú	1.200	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của UBND huyện Chư Păh Báo cáo số 415/BC-UBND ngày 23/10/2020 của UBND huyện Chư Păh	350,316,000		350,316,000		
19	Khôi phục khả năng vận hành đường dây 110kV đường dây 110kV 176/Pleiku500-171/KonTum	Xã Hòa Phú	0.010	Đất trồng cây hàng năm khác	Công văn số 3659/GLPC-QLDA ngày 17/9/2020 của Công ty Điện lực Gia Lai	20,000,000			20,000,000	Vốn ngành điện
20	Nhà văn hóa đa năng của xã	Xã Nghĩa Hưng	0.300	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Công văn số 20/UBND-ĐCXD ngày 10/9/2020 của UBND xã Nghĩa Hưng Báo cáo số 415/BC-UBND ngày 23/10/2020 của UBND huyện Chư Păh	450,000,000		450,000,000		
21	Kho lưu chứa rác thải nguy hiểm	Xã Nghĩa Hưng	0.040	Đất trồng cây hàng năm khác	Công văn số 20/UBND-ĐCXD ngày 10/9/2020 của UBND xã Nghĩa Hưng Báo cáo số 415/BC-UBND ngày 23/10/2020 của UBND huyện Chư Păh	60,000,000		60,000,000		
22	Khu Công viên xanh	Xã Nghĩa Hưng	0.910	Đất trồng cây hàng năm khác	Công văn số 20/UBND-ĐCXD ngày 10/9/2020 của UBND xã Nghĩa Hưng Báo cáo số 415/BC-UBND ngày 23/10/2020 của UBND huyện Chư Păh	1,365,000,000		1,365,000,000		
23	Thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới (Thu hồi đất của Công ty TNHH MTV cao su Chư Păh giao lại cho địa phương quản lý nhằm thực hiện quy hoạch)	Xã Ia Nhin	5.000	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 12/4/2012 của UBND huyện Chư Păh Công văn số 74/UBND-ĐC ngày 01/9/2020 của UBND xã Ia Nhin Báo cáo số 415/BC-UBND ngày 23/10/2020 của UBND huyện Chư Păh	1,459,650,000		1,459,650,000		
24	Các công trình dự án khác trên xã	Xã Ia Mơ Nông	2.000	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND huyện Chư Păh	2,000,000,000		2,000,000,000		
25	Bảo vệ đập thủy điện	Xã Ia Kreng và thị trấn Ia Ly	22.960	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm, đất công trình năng lượng và đất chưa sử dụng	Công văn số 607/TĐIAL-TC của Công ty thủy điện Ia Ly	20,664,000,000			20,664,000,000	Vốn ngành điện

26	Thu hồi đất của Công ty TNHH MTV cao su Chư Păh giao lại cho địa phương quản lý nhằm thực hiện quy hoạch sử dụng đất như an ninh, các công trình phát triển kinh tế-xã hội...	Xã Ia Ka	5.000	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 2194/QĐ-UBND ngày 24/10/2017 của UBND huyện Chư Păh Bảo cáo số 415/BC-UBND ngày 23/10/2020 của UBND huyện Chư Păh	1,459,650,000		1,459,650,000		
27	TBA 220kV Pleiku - TBA 110kV Ia Grai	Các xã và thị trấn	3.000	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Công văn số 1582/CV-SCT ngày 14/10/2020 của Sở Công thương	2,250,000,000			2,250,000,000	Vốn ngành điện
28	Hoàn thiện lưới điện phân phối tỉnh Gia Lai (đồng bộ dự án KfW3.1)	Các xã: Ia Phí và Ia Ka	0.021	Đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm và đất ở nông thôn	Quyết định số 3205/QĐ-EVNCPC ngày 20/4/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung Quyết định số 3205/QĐ-EVNCPC ngày 20/4/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung Quyết định số 8422/QĐ-EVNCPC ngày 29/9/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	3,935,343,000			3,935,343,000	Vốn ngành điện
VI. Huyện Đak Đoa			92.031			23,440,000,000		2,500,000,000	20,940,000,000	
1	Đường liên xã Tân Bình, xã Hneng, thị trấn Đak Đoa, xã An Phú	Thị trấn Đak Đoa	0.010	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 của UBND tỉnh Gia Lai	100,000,000		100,000,000		
2	Đường giao thông khu Trung tâm hành chính mới huyện Đak Đoa	Thị trấn Đak Đoa	5.200	Đất trồng cây lâu năm	Báo cáo số 500/BC-UBND ngày 19/12/2019 của UBND huyện Đak Đoa	1,500,000,000		1,500,000,000		
3	Đường nội thị thị trấn Đak Đoa (Đường Lê Lợi...)	Thị trấn Đak Đoa	0.960	Đất ở tại đô thị	Báo cáo số 500/BC-UBND ngày 19/12/2019 của UBND huyện Đak Đoa					Không bồi thường
4	Via hè, thoát nước, mở rộng mặt đường các tuyến đường nội thị thị trấn Đak Đoa	Thị trấn Đak Đoa	2.000	Đất ở tại đô thị	Báo cáo số 500/BC-UBND ngày 19/12/2019 của UBND huyện Đak Đoa					Không bồi thường
5	Trụ sở Huyện ủy, UBMTTQ và các đoàn thể huyện Đak Đoa.	Thị trấn Đak Đoa	3.000	Đất trồng cây lâu năm	Báo cáo số 500/BC-UBND ngày 19/12/2019 của UBND huyện Đak Đoa	900,000,000		900,000,000		
6	Trạm biến áp 110kV Trà Đa và đầu nối	Các xã: HNeng, Nam Yang, Kon Gang, KDang và thị trấn Đak Đoa	0.819	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất ở tại nông thôn và đất ở tại đô thị	Công văn số 3932/CREB-ĐB ngày 29/9/2020 của Ban quản lý dự án Điện nông thôn Miền Trung Quyết định số 9223/QĐ-EVNCPC ngày 23/12/2016 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung Quyết định số 5175/QĐ-EVNCPC ngày 03/7/2018 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	1,000,000,000			1,000,000,000	Vốn ngành điện
7	Trạm biến áp 110kV Trà Đa và đầu nối	Xã Hà Bầu	0.297	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm và đất công trình năng lượng	Công văn số 3938/CREB-ĐB ngày 30/9/2020 của Ban quản lý dự án Điện nông thôn Miền Trung Quyết định số 9426/QĐ-EVNCPC ngày 07/11/2017 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung Quyết định số 3442/QĐ-BCT ngày 24/9/2018 của Bộ Công thương	300,000,000			300,000,000	Vốn ngành điện

8	Đường dây 220kV sinh khối An Khê - Pleiku mạch đơn (bổ sung thêm trụ móng)	Xã HNeng	0.007	Đất trồng cây lâu năm	Công văn số 1431/TTĐGL-KHVT ngày 03/11/2020 của Truyền tải Điện Gia Lai Quyết định số 1451/QĐ-PTC3 ngày 31/3/2020 của Công ty Truyền tải Điện 3 Quyết định số 2898/QĐ-PTC3 ngày 5/6/2020 của Công ty Truyền tải Điện 3	100,000,000			100,000,000	Vốn ngành điện
9	Hoàn thiện lưới điện phân phối tỉnh Gia Lai (đồng bộ dự án KfW3.1)	Xã Ia Bàng	0.008	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm và đất công trình năng lượng	Công văn số 4120/CREB-QLCT ngày 09/10/2020 của Ban quản lý dự án Điện nông thôn Miền Trung Quyết định số 3205/QĐ-EVNCPC ngày 20/4/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung Quyết định số 8422/QĐ-EVNCPC ngày 29/9/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	100,000,000			100,000,000	Vốn ngành điện
10	Chợ đầu mối nông sản, tổ hợp thương mại - dịch vụ và khu dân cư	Xã KDang	79.730	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của UBND tỉnh Gia Lai Tờ trình số 224/TTr-UBND ngày 05/10/2020 của UBND huyện Đak Đoa Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 14/10/2020 của HĐND huyện Đak Đoa Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 25/11/2020 của UBND huyện Đak Đoa	19,440,000,000			19,440,000,000	Vốn doanh nghiệp
VII. Huyện Kbang			28.160			19,650,250,000		12,440,250,000	7,210,000,000	
1	Đường từ Quốc lộ Trường Sơn Đông đi xã Krong vào khu căn cứ cách mạng (khu 10)	Các xã: Đăk Smar và Krong	6.000	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Công văn số 269/TB-VPTU ngày 18/11/2019 của Văn phòng Tỉnh ủy	2,250,000,000			2,250,000,000	Ứng vốn từ Quỹ phát triển đất tỉnh
2	Đường giao thông từ đập thủy lợi Đăk Ka Ti đi làng Tung Gút cũ	Xã Krong	3.000	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Công văn số 669/BDT-CSKH ngày 21/9/2020 của Ban Dân tộc tỉnh Gia Lai Bảo cáo số 323/BC-UBND ngày 30/9/2020 của UBND huyện Kbang	1,080,000,000			1,080,000,000	Ngân sách Trung ương
3	Đường từ làng Tung Gút (cũ) đi làng Klur (thôn 5)	Xã Krong	7.000	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Công văn số 669/BDT-CSKH ngày 21/9/2020 của Ban Dân tộc tỉnh Gia Lai Bảo cáo số 323/BC-UBND ngày 30/9/2020 của UBND huyện Kbang	2,800,000,000			2,800,000,000	Ngân sách Trung ương
4	Đường từ khu di tích lịch sử Vườn Mít - Cánh đồng Cô Hầu đi thác Hang Dơi	Xã Nghĩa An	4.000	Đất trồng cây hàng năm khác	Công văn số 4328/VP-CNXD ngày 17/12/2019 của UBND tỉnh Gia Lai	1,080,000,000			1,080,000,000	Ứng vốn từ Quỹ phát triển đất tỉnh
5	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Hồng Phong (Đoạn: Quang Trung - Lê Lợi)	Thị trấn Kbang	0.100	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Văn bản đăng ký ngày 10/9/2020 của UBND huyện KBang Bảo cáo số 351/BC-UBND ngày 29/10/2020 của UBND huyện KBang	2,000,000,000		2,000,000,000		
6	Nâng cấp, mở rộng đường Giải phóng (Đoạn: Quang Trung - Lê Lợi)	Thị trấn Kbang	0.100	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Văn bản đăng ký ngày 10/9/2020 của UBND huyện KBang Bảo cáo số 351/BC-UBND ngày 29/10/2020 của UBND huyện KBang	69,000,000		69,000,000		
7	Nâng cấp, mở rộng đường Lý Tự Trọng (Đoạn: Quang Trung - Hai Bà Trưng)	Thị trấn Kbang	0.520	Đất trồng cây hàng năm khác và đất ở tại đô thị	Văn bản đăng ký ngày 10/9/2020 của UBND huyện KBang Bảo cáo số 351/BC-UBND ngày 29/10/2020 của UBND huyện KBang	1,350,000,000		1,350,000,000		
8	Nâng cấp, mở rộng đường Lý Thái Tổ (Đoạn: Quang Trung - Phan Đình Phùng)	Thị trấn KBang	0.180	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Văn bản đăng ký ngày 10/9/2020 của UBND huyện Kbang Bảo cáo số 351/BC-UBND ngày 29/10/2020 của UBND huyện Kbang	3,069,250,000		3,069,250,000		

9	Nâng cấp, mở rộng đường Bùi Thị Xuân (Đoạn: Lê Văn Tám đến bờ kè Đăk Lốp)	Thị trấn KBang	2.100	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Văn bản đăng ký ngày 10/9/2020 của UBND huyện Kbang Bảo cáo số 351/BC-UBND ngày 29/10/2020 của UBND huyện KBang	3,890,000,000		3,890,000,000		
10	Đường bê tông kè suối Đăk Lốp (từ đường Quang Trung đến đường tránh Đông)	Thị trấn KBang	0.160	Đất trồng cây hàng năm khác	Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 của UBND huyện KBang	112,000,000		112,000,000		
11	Máng cấp công trình thủy lợi thôn 2 (làng Đăk Asêl)	Xã Sơn Lang	5.000	Đất trồng lúa và đất rừng sản xuất (đất rừng trồng và đất trồng)	Công văn số 590/UBND-KT ngày 05/6/2020 của UBND huyện KBang	1,950,000,000		1,950,000,000		
VIII. Thị xã Ayun Pa			87.310			87,000,000,000	46,000,000,000	4,200,000,000	36,800,000,000	
1	Đường Cao Bá Quát	Phường Đoàn Kết	0.820	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Tờ trình số 106/TTr-BQL ngày 03/8/2020 của Ban quản lý dự án thị xã Ayun Pa	1,000,000,000		1,000,000,000		
2	Đường quy hoạch khu dân cư Bình Hòa (giai đoạn 2)	Phường Sông Bờ	1.050	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Tờ trình số 134/TTr-BQL ngày 31/8/2020 của Ban quản lý dự án thị xã Ayun Pa	2,500,000,000		2,500,000,000		
3	Đường vành đai khu dân cư tổ dân phố 3	Phường Cheo Reo	0.200	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 04/12/2019 của UBND thị xã Ayun Pa	200,000,000		200,000,000		
4	Đường hẻm khu dân cư tổ dân phố 8	Phường Hòa Bình	0.200	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 04/12/2019 của UBND thị xã Ayun Pa	200,000,000		200,000,000		
5	Đường bê tông xi măng (đường hẻm từ đường Trần Quang Khải đến đường Tăng Bạt Hổ) khu dân cư tổ dân phố 10	Phường Đoàn Kết	0.200	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 04/12/2019 của UBND thị xã Ayun Pa	200,000,000		200,000,000		
6	Sân bóng chuyền tổ 8, 9, 10	Phường Đoàn Kết	0.090	Đất trồng cây hàng năm khác	Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 04/12/2019 của UBND thị xã Ayun Pa	100,000,000		100,000,000		
7	Mở rộng Quảng trường (giai đoạn 2)	Phường Đoàn Kết	1.200	Đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác	Báo cáo số 239/BC-UBND ngày 21/5/2019 của UBND thị xã Ayun Pa	2,200,000,000	2,200,000,000			
8	Thông tuyến đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Bệnh viện đến đường vành đai 1)	Phường Hòa Bình	1.300	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Báo cáo số 239/BC-UBND ngày 21/5/2019 của UBND thị xã Ayun Pa	2,300,000,000	2,300,000,000			
9	Đường quy hoạch từ ngã tư Ngô Quyền -Nguyễn Văn Trỗi đến đường vành đai 1	Phường Hòa Bình	1.500	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Báo cáo số 239/BC-UBND ngày 21/5/2019 của UBND thị xã Ayun Pa	2,500,000,000	2,500,000,000			
10	Đường Hàm Nghi (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường vành đai 1)	Phường Cheo Reo	1.900	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Báo cáo số 239/BC-UBND ngày 21/5/2019 của UBND thị xã Ayun Pa	4,500,000,000	4,500,000,000			
11	Đường quy hoạch từ Vành đai 1 đến đường Đông Trường Sơn	Các phường: Cheo Reo và Hòa Bình	3.000	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Báo cáo số 239/BC-UBND ngày 21/5/2019 của UBND thị xã Ayun Pa	6,000,000,000	6,000,000,000			

12	Đường Vành đai 1 đến giáp Bôn Banh phường Cheo Reo	Phường Cheo Reo	3.100	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Báo cáo số 239/BC-UBND ngày 21/5/2019 của UBND thị xã Ayun Pa	6,000,000,000	6,000,000,000			
13	Đường Vành đai 1 đến đường Ngô Quyền	Phường Cheo Reo	1.450	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Báo cáo số 239/BC-UBND ngày 21/5/2019 của UBND thị xã Ayun Pa	2,500,000,000	2,500,000,000			
14	Đường vành đai 1	Các xã và phường	34.800	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Báo cáo số 239/BC-UBND ngày 21/5/2019 của UBND thị xã Ayun Pa	35,000,000,000			35,000,000,000	Ngân sách Trung ương
15	Cụm Công nghiệp Ia Sao (giai đoạn 2)	Xã Ia Sao	35.000	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Báo cáo số 239/BC-UBND ngày 21/5/2019 của UBND thị xã Ayun Pa	20,000,000,000	20,000,000,000			
16	Đường dây 220kV Krông Pa - Chư Sê	Các xã và phường	1.500	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Công văn số 207/UBND-CNXD ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh Gia Lai	1,800,000,000			1,800,000,000	Vốn ngành điện
IX. Thị xã An Khê			66.797			164,614,700,000		20,356,000,000	144,258,700,000	
1	Nghĩa trang thôn Tú Thủy 1	Xã Tú An	1.000	Đất trồng cây hàng năm khác	Quyết định số 3571/QĐ-UBND ngày 30/9/2011 của UBND thị xã An Khê	150,000,000		150,000,000		
2	Hồ làng Hòa Bình	Xã Tú An	7.000	Đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác	Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND thị xã An Khê	4,100,000,000		4,100,000,000		
3	Đường dọc theo suối Cái (từ đập Bến Tuyết đến đường Võ Thị Sáu) Hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước	Các phường: An Phú và Tây Sơn	1.350	Đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác	Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND thị xã An Khê	3,265,000,000		3,265,000,000		
4	Đường Nguyễn Nhạc (đoạn từ: Đường Ngô Thi Nhậm đến hết trường MG Sao Mai) Hạng mục: Mở rộng mặt đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước	Phường An Phú	0.200	Đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND thị xã An Khê	6,031,000,000		6,031,000,000		
5	Nghĩa trang thôn Thượng An 1	Xã Song An	1.000	Đất trồng cây hàng năm khác	Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 của UBND thị xã An Khê	150,000,000		150,000,000		
6	Làng nông thôn mới (khu dân cư, đất công cộng làng Pốt)	Xã Song An	2.000	Đất trồng cây hàng năm khác	Quyết định số 1744/QĐ-UBND ngày 13/8//2019 của UBND thị xã An Khê	600,000,000		600,000,000		
7	Chinh trang đô thị thị xã An Khê	Các phường	10.600	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND thị xã An Khê	32,000,000,000			32,000,000,000	Ứng vốn từ Quỹ phát triển đất tỉnh
8	Đường nối từ Quốc lộ 19 (đường Quang Trung) đến đường vành đai phía Bắc thị xã An Khê	Các phường: An Tân và An Bình	8.210	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND thị xã An Khê	41,000,000,000			41,000,000,000	Ngân sách Trung ương
9	Đường Nguyễn Lữ Hạng mục: Nâng cấp, mở rộng mặt đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước	Phường Tây Sơn	0.080	Đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND thị xã An Khê	2,230,000,000		2,230,000,000		

10	Đường Lê Duẩn Hạng mục: Nâng cấp, mở rộng mặt đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước	Phường An Phú	0.050	Đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND thị xã An Khê	3,270,000,000		3,270,000,000		
11	Đường Nguyễn Văn Trỗi Hạng mục: Sửa chữa mặt đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước	Phường An Bình	0.200	Đất trồng lúa	Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND thị xã An Khê	560,000,000		560,000,000		
12	Hạ tầng cụm công nghiệp An Khê Hạng mục: San nền, hệ thống xử lý nước thải, PCCC	Phường An Bình	24.730	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND thị xã An Khê	53,900,000,000			53,900,000,000	Úng vốn từ Quỹ phát triển đất tỉnh
13	Hoàn thiện lưới điện phân phối tỉnh Gia Lai (đồng bộ dự án KfW3.1)	Các phường: An Bình và An Phú	0.007	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất ở tại đô thị	Công văn số 4141/CREB-QLCT ngày 12/10/2020 của Ban quản lý dự án Điện nông thôn Miền Trung Quyết định số 3205/QĐ-EVNCPC ngày 20/4/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung Quyết định số 8422/QĐ-EVNCPC ngày 29/9/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	58,700,000			58,700,000	Vốn ngành điện
14	Đường dây 500kV Tuabin khí Miền Trung - Krông Buk	Xã Song An và các phường: Ngô Mỹ, Tây Sơn	1.890	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm	Công văn số 2852/TVĐ3-ĐD ngày 17/8/2020 của Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Điện 3	3,300,000,000			3,300,000,000	Vốn ngành điện
15	Trạm biến áp 220kV An Khê và đầu nối	Phường An Bình	6.120	Đất trồng cây hàng năm khác	Công văn số 1582/SCT-KHTCTH ngày 14/10/2020 của Sở Công thương tỉnh Gia Lai	10,000,000,000			10,000,000,000	Vốn ngành điện
16	Đường dây 110kV Mang Yang - An Khê	Các xã, phường	1.500	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm	Công văn số 1582/SCT-KHTCTH ngày 14/10/2020 của Sở Công thương tỉnh Gia Lai	2,000,000,000			2,000,000,000	Vốn ngành điện
17	Xuất tuyến đường dây từ Trạm biến áp 220kV An Khê đầu chuyển tiếp trên DZ 110kV An Khê - Đak Pơ	Phường An Bình	0.330	Đất trồng cây hàng năm khác	Công văn số 1582/SCT-KHTCTH ngày 14/10/2020 của Sở Công thương tỉnh Gia Lai	700,000,000			700,000,000	Vốn ngành điện
18	Xuất tuyến đường dây từ Trạm biến áp 220kV An Khê đầu vào thanh cái 110kV TBA 110kV Kông Chro	Các xã, phường	0.200	Đất trồng cây hàng năm khác	Công văn số 1582/SCT-KHTCTH ngày 14/10/2020 của Sở Công thương tỉnh Gia Lai	600,000,000			600,000,000	Vốn ngành điện
19	Trạm biến áp Phú An và nhánh rẽ	Các xã, phường	0.330	Đất trồng cây hàng năm khác	Công văn số 1582/SCT-KHTCTH ngày 14/10/2020 của Sở Công thương tỉnh Gia Lai	700,000,000			700,000,000	Vốn ngành điện
X. Huyện Mang Yang			9.733			5,542,420,000		5,515,920,000	26,500,000	
1	Bru điện văn hoá xã	Xã Đak Ta Ley	0.050	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 2471/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của UBND huyện Mang Yang	6,600,000		6,600,000		
2	Trường PTDT bán trú THCS	Xã Kon Chiêng	1.300	Đất trồng cây lâu năm	Công văn số 1222/SKHĐT-TH ngày 29/5/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	1,000,000,000		1,000,000,000		
3	Trường THCS Chu Văn An cơ sở 2	Thị trấn Kon Dong	3.760	Đất trồng cây lâu năm	Công văn số 1222/SKHĐT-TH ngày 29/5/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	1,500,000,000		1,500,000,000		

4	Hoàn thiện lưới điện phân phối tỉnh Gia Lai (đồng bộ dự án KfW3.1)	Xã Đak Djrăng	0.013	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn	Công văn số 4119/CREB-QLCT ngày 09/10/2020 của Ban quản lý dự án Điện nông thôn Miền Trung Quyết định số 3205/QĐ-EVNCPC ngày 20/4/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung Quyết định số 8422/QĐ-EVNCPC ngày 29/9/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	26,500,000			26,500,000	Vốn ngành điện
5	Trường mẫu giáo xã H'ra (điểm trường Kdung 2)	Xã H'ra	0.060	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 25/7/2018 của UBND huyện Mang Yang	5,040,000		5,040,000		
6	Trường mẫu giáo xã H'ra (điểm trường Kon Chral)	Xã H'ra	0.400	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 25/7/2018 của UBND huyện Mang Yang	40,320,000		40,320,000		
7	Trường mẫu giáo xã H'ra (điểm trường Đê Đăk)	Xã H'ra	0.400	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 25/7/2018 của UBND huyện Mang Yang	40,320,000		40,320,000		
8	Nghĩa địa làng Kon Chral	Xã H'ra	0.800	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 25/7/2018 của UBND huyện Mang Yang	80,640,000		80,640,000		
9	Khu Quy hoạch dân cư A6	Xã Kon Thup	0.750	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 của UBND huyện Mang Yang	99,000,000		99,000,000		
10	Khu tái định cư xã Đak Ta Ley	Xã Đak Ta Ley	2.200	Đất trồng cây lâu năm	Công văn số 47/KH-UBND ngày 09/4/2020 của UBND huyện Mang Yang Công văn số 835/UBND-NL ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh Gia Lai	2,744,000,000		2,744,000,000		
XI. Huyện Chư Pưh			251.330			44,260,000,000	590,000,000		43,670,000,000	
1	Đường bảo vệ Hồ Plei Thor Ga, phục vụ dân sinh và phát triển du lịch	Xã Chư Don	5.000	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 17/4/2020 UBND huyện Chư Pưh	50,000,000	50,000,000			
2	Hồ chứa nước Ia Pôm	Xã Ia Hla	20.000	Đất trồng cây lâu năm, hằng năm	Công văn số 64/TTr-UBND ngày 29/9/2020 của UBND huyện Chư Pưh	2,000,000,000			2,000,000,000	Ngân sách Trung ương
3	Đường giao thông liên xã	Các xã: Ia Hnú, Ia Rong, Ia Blứ và thị trấn Nhơn Hòa	12.000	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 314/QĐ-SGTVT ngày 20/4/2018 của Sở Giao thông vận tải	1,000,000,000			1,000,000,000	Ngân sách Trung ương
4	Dự án bố trí ổn định dân di cư tự do vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Xã Ia Hla	15.800	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Công văn số 64/TTr-UBND ngày 29/9/2020 của UBND huyện Chư Pưh	1,000,000,000			1,000,000,000	Ngân sách Trung ương
5	Hồ chứa nước Klang 4	Xã Ia Le	30.000	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Tờ trình số 63/TTr-UBND ngày 29/9/2020 của UBND huyện	3,000,000,000			3,000,000,000	Ngân sách Trung ương
6	Hồ chứa thủy lợi Ia Blứ (tại đập thủy lợi Ia Blứ 4)	Xã Ia Le	65.000	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Công văn số 2232/UBND-NL ngày 02/11/2020 của UBND tỉnh Gia Lai	24,670,000,000			24,670,000,000	Ngân sách Trung ương
7	Hồ chứa nước Đông xuân	Xã Ia Le	100.000	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Công văn số 209/UBND-KT ngày 04/3/2020 của UBND tỉnh	12,000,000,000			12,000,000,000	Ngân sách Trung ương
8	Các tuyến đường nội thị	Thị trấn Nhơn Hòa	3.530	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Công văn số 209/UBND-KT ngày 04/3/2020 của UBND tỉnh	540,000,000	540,000,000			

XII. Huyện Đức Cơ			76.036			61,632,111,000		9,285,066,000	52,347,045,000	
1	Đường liên xã Ia Pnôn - Ia Kriêng - Ia Lang	Các xã: Ia Pnôn, Ia Kriêng và Ia Lang	34.400	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Công văn số 938/UBND-KT ngày 31/5/2019 của UBND huyện Đức Cơ	40,000,000,000			40,000,000,000	Ngân sách Trung ương
2	Tuyến giao thông biên giới cấp bách huyện Đức Cơ	Thị trấn Chư Ty và các xã: Ia Pnôn và Ia Nan	8.270	Đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn	Nghị quyết số 214/NQ-HĐND ngày 08/5/2020 của HĐND tỉnh Gia Lai Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của UBND tỉnh Gia Lai	6,598,735,000			6,598,735,000	Ngân sách Trung ương
3	Hoàn thiện lưới điện phân phối tỉnh Gia Lai (đồng bộ dự án KfW3.1)	Thị trấn Chư Ty và xã Ia Nan	0.021	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất ở tại đô thị và đất ở tại nông thôn	Công văn số 4113/CREB-QLCT ngày 09/10/2020 của Ban quản lý dự án Điện nông thôn Miền Trung Quyết định số 3205/QĐ-EVNCP ngày 20/4/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung Quyết định số 8422/QĐ-EVNCP ngày 29/9/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	3,935,343,000			3,935,343,000	Vốn ngành điện
4	Khu du lịch cây Đa làng Ghê	Xã Ia Dok	0.830	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND huyện Đức Cơ	242,118,000		242,118,000		
5	Đầu nối 110kV sau TBA 500kV Pleiku 2	Xã Ia Dok	0.225	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất (đất trồng và đất rừng trồng) và đất ở tại nông thôn	Công văn số 4163/CREB-ĐB ngày 12/10/2020 của Ban quản lý dự án Điện nông thôn Miền Trung Quyết định số 5738/QĐ-EVNCP ngày 08/7/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	1,000,000,000			1,000,000,000	Vốn ngành điện
6	Trạm thực nghiệm và chuyển giao kỹ thuật trên địa bàn huyện	Xã Ia Nan	0.500	Đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND huyện Đức Cơ	291,708,000		291,708,000		
7	Cụm công nghiệp huyện	Xã Ia Kriêng	30.000	Đất trồng cây lâu năm	Công văn số 2182/UBND-KT ngày 19/10/2020 của UBND huyện Đức Cơ	8,751,240,000		8,751,240,000		
8	Đường đi vào nghĩa địa chung của xã	Xã Ia Pnôn	0.710	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 của UBND huyện Đức Cơ	207,113,000			207,113,000	Ngân sách xã
9	Đường đi nội bộ làng Chan	Xã Ia Pnôn	0.130	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 của UBND huyện Đức Cơ	150,000,000			150,000,000	Ngân sách xã
10	Đường làng Chan	Xã Ia Pnôn	0.150	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 của UBND huyện Đức Cơ	160,000,000			160,000,000	Ngân sách xã
11	Đường vào bãi rác xã	Xã Ia Din	0.500	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 1630/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của UBND huyện Đức Cơ	145,854,000			145,854,000	Ngân sách xã
12	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Ấp	Xã Ia Kriêng	0.300	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của UBND huyện Đức Cơ	150,000,000			150,000,000	Ngân sách xã
XIII. Huyện Ia Pa			675.963			239,039,130,976	14,849,130,976	190,000,000	224,000,000,000	
1	Thủy lợi hồ chứa nước Ia Thul	Các xã: Chư Mố, Ia Tul, Ia Broãi và Ia Kđăm	654.700	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất và đất ở tại nông thôn	Công văn số 450/BQL-KHTĐ ngày 23/10/2020 của Ban quản lý đầu tư và xây dựng thủy lợi 8	224,000,000,000			224,000,000,000	Ngân sách Trung ương
2	Đường tràn qua thao trường huấn luyện huyện và khu sản xuất	Xã Pờ Tó	1.400	Đất trồng lúa	Văn bản đăng ký ngày 30/10/2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ia Pa; Công văn số 622/UBND-TCKH ngày 14/4/2020 của UBND huyện Ia Pa	1,428,000,000	1,428,000,000			

3	Chỉnh trang đô thị khu trung tâm huyện (đường Võ Thị Sáu)	Xã Ia Mron (Khu trung tâm huyện)	0.663	Đất trồng cây lâu năm	Văn bản đăng ký ngày 30/10/2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ia Pa; Công văn số 622/UBND-TCKH ngày 14/4/2020 của UBND huyện Ia Pa	280,000,000	280,000,000			
4	Nâng cấp mở rộng, sửa chữa đường liên xã phía đông Sông Ba	Các xã: Chư Mố, Ia Tul, Ia Broãi và Ia Kdăm	7.000	Đất trồng cây lâu năm	Văn bản đăng ký ngày 30/10/2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ia Pa Công văn số 622/UBND-TCKH ngày 14/4/2020 của UBND huyện Ia Pa	2,941,130,976	2,941,130,976			
5	Chỉnh trang đô thị khu trung tâm huyện (đường Hùng Vương)	Xã Ia Mron (Khu trung tâm huyện)	0.400	Đất trồng cây lâu năm	Văn bản đăng ký ngày 30/10/2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ia Pa Công văn số 622/UBND-TCKH ngày 14/4/2020 của UBND huyện Ia Pa	190,000,000		190,000,000		
6	Đường liên xã Ia Mron đi Ia Yeng (nhánh 1: Đoạn từ Quốc lộ Trường Sơn Đông (nhà ông Tuấn) đến đường BTXM đi xã Ia Yeng; nhánh 2: từ đường BTXM hiện trạng đến Quốc lộ Trường Sơn Đông)	Xã Ia Mron	4.000	Đất trồng lúa và đất trồng cây lâu năm	Văn bản đăng ký ngày 30/10/2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ia Pa Công văn số 622/UBND-TCKH ngày 14/4/2020 của UBND huyện Ia Pa	3,800,000,000	3,800,000,000			
7	Đường liên xã Ia Trok đi Ia Mron (Đoạn chạy dọc theo tuyến kênh B22 từ cánh đồng thôn H'Lil 2 xã Ia Mron đến sân vận động xã	Xã Ia Trok	4.300	Đất trồng cây lâu năm	Văn bản đăng ký ngày 30/10/2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ia Pa Công văn số 622/UBND-TCKH ngày 14/4/2020 của UBND huyện Ia Pa	2,500,000,000	2,500,000,000			
8	Đường liên xã Ia Broãi đi Chư Mố (Đoạn ra khu sản xuất tập trung cánh đồng xã Ia Broãi-Ia Tul-Chư Mố	Các xã: Chư Mố, Ia Tul và Ia Broãi	3.500	Đất trồng lúa	Văn bản đăng ký ngày 30/10/2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ia Pa Công văn số 622/UBND-TCKH ngày 14/4/2020 của UBND huyện Ia Pa	3,900,000,000	3,900,000,000			
XIV. Huyện Đắk Pơ			19.931			6,283,500,000		6,003,500,000	280,000,000	
1	Khu dân cư đường Lý Thái Tô	Thị trấn Đắk Pơ	2.430	Đất trồng cây hàng năm khác	Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 03/10/2016 của UBND huyện Đắk Pơ	750,000,000		750,000,000		
2	Mở rộng các tuyến đường nội đồng	Thị trấn Đắk Pơ	0.100	Đất trồng cây hàng năm khác	Nghị quyết 16/NQ-HĐND ngày 21/12/2017 của HĐND huyện Đắk Pơ					Không bồi thường
3	Khu quy hoạch dân cư làng Bút	Xã An Thành	2.200	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND huyện Đắk Pơ	600,000,000		600,000,000		
4	Mở đường đi vào Trường bắn	Xã An Thành	0.300	Đất trồng cây hàng năm khác	Báo cáo số 874/BC-BCH ngày 26/10/2020 của Ban chỉ huy huyện Đắk Pơ					Không bồi thường
5	Chợ Hà Tam	Xã Hà Tam	2.000	Đất trồng cây hàng năm khác	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/10/2020 của HĐND huyện Đắk Pơ	600,000,000		600,000,000		
6	Điểm dân cư làng Groi	Xã Ya Hội	1.000	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 21/11/2011 của UBND huyện Đắk Pơ	300,000,000		300,000,000		
7	Nghĩa địa làng Bung - Tờ Sô	Xã Ya Hội	1.000	Đất trồng cây hàng năm khác	Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 21/11/2011 của UBND huyện Đắk Pơ	300,000,000		300,000,000		
8	Nghĩa địa làng Brang - Đak Kliết	Xã Ya Hội	1.000	Đất trồng cây hàng năm khác	Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 21/11/2011 của UBND huyện Đắk Pơ	300,000,000		300,000,000		

9	Mở đường đi sản xuất đoạn từ nhà ông Nguyễn Ngọc Luyện đến khu sản xuất	Xã Phú An	0.034	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 21/11/2011 của UBND huyện Đắk Pơ					Không bồi thường
10	Đập tràn suối Soi Mầu	Xã Phú An	0.030	Đất trồng lúa	Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 21/11/2011 của UBND huyện Đắk Pơ					Không bồi thường
11	Đường đi đoạn từ cầu mới thôn An Phong đến giáp đường liên thôn An Lợi đi An Phong giai đoạn 1	Xã Phú An	0.120	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 21/11/2011 của UBND huyện Đắk Pơ	50,000,000		50,000,000		
12	Đường đi đoạn từ đường Tỉnh lộ 667 đến nhà ông Đặng Trắc	Xã Phú An	0.100	Đất trồng cây hàng năm khác	Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 21/11/2011 của UBND huyện Đắk Pơ	50,000,000		50,000,000		
13	Điểm dân cư nông thôn thôn Tân Phong	Xã Tân An	2.700	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND huyện Đắk Pơ	989,500,000		989,500,000		
14	Khu dân cư làng Klăh Môn	Xã Yang Bắc	3.000	Đất trồng cây hàng năm khác	Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 21/11/2011 của UBND huyện Đắk Pơ	900,000,000		900,000,000		
15	Khu dân cư dọc đường liên xã	Xã Yang Bắc	3.880	Đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác	Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 21/11/2011 của UBND huyện Đắk Pơ	1,164,000,000		1,164,000,000		
16	Đường dây 220kV sinh khối An Khê - Pleiku mạch đơn (bổ sung thêm trụ móng)	Xã Cư An	0.014	Đất trồng cây hàng năm khác	Công văn số 1431/TTĐGL-KHVT ngày 03/11/2020 của Truyền tải Điện Gia Lai Quyết định số 1451/QĐ-PTC3 ngày 31/3/2020 của Công ty Truyền tải Điện 3 Quyết định số 2898/QĐ-PTC3 ngày 15/6/2020 của Công ty Truyền tải Điện 3	30,000,000		30,000,000		Vốn ngành điện
17	Hoàn thiện lưới điện phân phối tỉnh Gia Lai (đồng bộ dự án KfW3.1)	Xã Yang Bắc và thị trấn Đắk Pơ	0.023	Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất ở tại nông thôn và đất ở tại đô thị	Công văn số 4129/CREB-QLCT ngày 09/10/2020 của Ban quản lý dự án Điện nông thôn Miền Trung Quyết định số 3205/QĐ-EVNCPC ngày 20/4/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung Quyết định số 8422/QĐ-EVNCPC ngày 29/9/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	250,000,000		250,000,000		Vốn ngành điện
XV. Huyện Phú Thiện			57.206			53,682,449,000		20,531,810,000	33,150,639,000	
1	Nhà văn hóa thôn Plei Kte Lớn B	Xã Ia Yeng	0.020	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 652a/QĐ-UBND ngày 01/11/2011 của UBND huyện Phú Thiện	6,880,000		6,880,000		
2	Nhà văn hóa thôn Plei Kual	Xã Ia Yeng	0.015	Đất trồng cây hàng năm khác	Quyết định số 652a/QĐ-UBND ngày 01/11/2011 của UBND huyện Phú Thiện	5,280,000		5,280,000		
3	Trung tâm văn hóa thể thao xã	Xã Ia Hiao	1.500	Đất trồng lúa	Quyết định số 649a/QĐ-UBND ngày 01/11/2011 của UBND huyện Phú Thiện	1,176,000,000		1,176,000,000		
4	Nhà văn hóa thôn Bình Trang	Xã Ia Peng	0.070	Đất trồng lúa	Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 01/11/2011 của UBND huyện Phú Thiện	45,080,000		45,080,000		
5	Trạm y tế xã	Xã Ia Peng	0.120	Đất trồng lúa	Công văn số 1660/SYT-KHTC ngày 04/9/2020 của Sở Y tế Gia Lai	77,280,000		77,280,000		
6	Giáo xứ Chrôh Ale	Xã Ia Peng	0.614	Đất trồng lúa	Công văn số 160/UBND-KGVX ngày 17/01/2020 của UBND tỉnh Gia Lai					Không bồi thường (dân hiến đất)

7	Chùa Quang Sơn	Xã Ayun Hạ	0.781	Đất trồng cây hàng năm, đất rừng sản xuất (đất trống)	Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của UBND tỉnh Gia Lai					Không bồi thường (dân hiến đất)
8	Nhà văn hóa thôn Sô Ma Long B	Xã Chrôh Ponan	0.070	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 1727a/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 của UBND huyện Phú Thiện	29,120,000		29,120,000		
9	Đường Chu Văn An (nối dài)	Thị trấn Phú Thiện	1.500	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 857/QĐ-UBND ngày 30/12/2010 của UBND huyện Phú Thiện	750,000,000		750,000,000		
10	Mở rộng đường Wừu	Thị trấn Phú Thiện	2.650	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Quyết định số 857/QĐ-UBND ngày 30/12/2010 của UBND huyện Phú Thiện	18,620,000,000			18,620,000,000	Ứng vốn từ Quỹ phát triển đất tỉnh
11	Khu trung tâm hành chính huyện (Đầu giá quyền sử dụng đất)	Thị trấn Phú Thiện	2.230	Đất trồng lúa	Quyết định số 857/QĐ-UBND ngày 30/12/2010 của UBND huyện Phú Thiện	1,951,250,000		1,951,250,000		
12	Bờ kè Ia Sol (phía bắc cầu Ia Sol)	Thị trấn Phú Thiện	3.600	Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Quyết định số 857/QĐ-UBND ngày 30/12/2010 của UBND huyện Phú Thiện	13,200,000,000		13,200,000,000		
13	Mở rộng Quốc lộ 25 (đoạn qua thị trấn Phú Thiện)	Thị trấn Phú Thiện	0.100	Đất ở tại đô thị	Quyết định số 857/QĐ-UBND ngày 30/12/2010 của UBND huyện Phú Thiện	2,500,000,000		2,500,000,000		
14	Hội trường thôn Plei Kmek	Xã Ia Piar	0.030	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 1727/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 của UBND huyện Phú Thiện	11,520,000		11,520,000		
15	Hoàn thiện lưới điện phân phối tỉnh Gia Lai (đồng bộ dự án KfW3.1)	Thị trấn Phú Thiện	0.006	Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Công văn số 4147/CREB-QLCT ngày 12/10/2020 của Ban quản lý dự án Điện nông thôn Miền Trung Quyết định số 3205/QĐ-EVNCPC ngày 20/4/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung Quyết định số 8422/QĐ-EVNCPC ngày 29/9/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	46,000,000			46,000,000	Vốn ngành điện
16	Cụm công nghiệp huyện Phú Thiện	Xã Ia Ake	38.000	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Công văn số 1133/UBND-TH ngày 05/10/2020 của UBND huyện Phú Thiện Công văn bản số 1696/SCT-KHTCTH ngày 29/10/2020 của Sở Công thương	14,484,639,000			14,484,639,000	Ứng vốn từ Quỹ phát triển đất tỉnh
17	Di dời các hộ dân tại khu vực dân cư tự phát Suối cạn	Xã Ia Sol	3.900	Đất trồng cây hàng năm khác	Chỉ thị 12-CT/TU ngày 13/02/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai	179,400,000		179,400,000		Đất công ích 3,25ha
18	Dự án đầu tư và hỗ trợ cơ sở vật chất kỹ thuật cho các tổ chức khoa học và công nghệ (Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện)	Xã Ia Ake	2.000	Đất trồng cây hàng năm khác	Công văn 1021/SKHCN-KHTC ngày 06/11/2020 của Sở Khoa học và công nghệ	600,000,000		600,000,000		
XVI. Huyện Krông Pa			67.053			27,438,853,500		13,094,655,500	14,344,198,000	
1	Đường vành đai thôn Mới và buôn H'Lang	Xã Chư Rcăm	0.860	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của UBND huyện Krông Pa	1,247,000,000			1,247,000,000	UBND xã Chư Rcăm và nhân dân đóng góp
2	Đường vành đai thôn Mới và buôn Đoàn Kết	Xã Chư Rcăm	1.490	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của UBND huyện Krông Pa	2,160,000,000			2,160,000,000	UBND xã Chư Rcăm và nhân dân đóng góp

3	Nghĩa trang xã	Xã Chư Rcăm	3.200	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của UBND huyện Krông Pa	690,000,000			690,000,000	UBND xã Chư Rcăm và nhân dân đóng góp
4	Mở rộng trường Mẫu giáo	Xã Chư Rcăm	0.320	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn	Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của UBND huyện Krông Pa	1,200,000,000			1,200,000,000	UBND xã Chư Rcăm và nhân dân đóng góp
5	Sạt lở bờ sông Ba khu vực xã Chư Rcăm	Xã Chư Rcăm	0.500	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND huyện Krông Pa	109,198,000			109,198,000	Ngân sách Trung ương
6	Sắp xếp, ổn định dân cư tại buôn H'Lang, xã Chư Rcăm	Xã Chư Rcăm	14.800	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện Krông Pa	5,300,000,000		2,300,000,000	3,000,000,000	Ngân sách Trung ương
7	Đầu tư xây dựng mới các tuyến đường Quy hoạch và hệ thống thoát nước, bó vỉa đan rãnh các tuyến đường nội thị (gồm: Kpă Klong, anh hùng Núp, Ngô Gia Tự, Bế Văn Đàn, Kpă Tít, Nguyễn Thị Minh Khai, Lê Hồng Phong...) Giai đoạn 1 đầu tư hệ thống thoát nước, vỉa hè hoàn chỉnh đường Kpă Tít	Thị trấn Phú Túc	0.300	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 20/7/2020 của HĐND huyện Krông Pa	100,000,000		100,000,000		
8	Các tuyến đường theo quy hoạch có tổng chiều dài L=4.500m, đường đô thị cấp III, kết cấu mặt đường BTXM, công trình thoát nước hoàn chỉnh và đường dẫn 2 đầu cầu của cầu Bạch Đằng (đoạn qua sông Ia Mláh)	Thị trấn Phú Túc	0.300	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Tờ trình số 91/TTr-UBND ngày 22/5/2019 của UBND huyện Krông Pa	2,700,000,000			2,700,000,000	Ngân sách Trung ương
9	Sân bóng đá thanh niên	Xã Chư Drăng	2.000	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm	Báo cáo số 74/BC-UBND ngày 02/11/2020 của UBND xã Chư Drăng Quyết định 596/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của UBND huyện Krông Pa Công văn số 1327/UBND-KT ngày 24/7/2020 của UBND huyện Krông Pa	700,000,000			700,000,000	UBND xã Ia Mláh và nhân dân đóng góp
10	Nghĩa địa buôn Djrông	Xã Ia Dreh	1.000	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của UBND huyện Krông Pa	180,000,000		180,000,000		UBND xã Ia Dreh và nhân dân đóng góp
11	Nghĩa địa buôn Nai, Draï	Xã Ia Dreh	1.300	Đất trồng cây hàng năm khác	Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của UBND huyện Krông Pa	144,655,500		144,655,500		UBND xã Ia Dreh và nhân dân đóng góp
12	Nghĩa trang xã	Xã Ia Mláh	6.400	Đất trồng cây hàng năm khác	Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của UBND huyện Krông Pa	1,280,000,000			1,280,000,000	UBND xã Ia Mláh và nhân dân đóng góp
13	Chợ trung tâm xã	Xã Ia Mláh	0.500	Đất trồng cây hàng năm khác	Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của UBND huyện Krông Pa	150,000,000			150,000,000	UBND xã Ia Mláh và nhân dân đóng góp

14	Đường từ buôn Nu đến trường Lê Quý Đôn	Xã Ia Rsum	0.600	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của UBND huyện Krông Pa	108,000,000			108,000,000	UBND xã Uar và nhân dân đóng góp
15	Đường giao thông thôn Thanh Bình	Xã Uar	0.400	Đất trồng lúa, đất trồng cây lâu năm và đất nuôi trồng thủy sản	Quyết định số 600/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của UBND huyện Krông Pa	160,000,000			160,000,000	UBND xã Uar và nhân dân đóng góp
16	Đường giao thông thôn An Bình	Xã Uar	0.200	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 600/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của UBND huyện Krông Pa	80,000,000			80,000,000	UBND xã Uar và nhân dân đóng góp
17	Đường giao thông buôn Choanh	Xã Uar	0.300	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 600/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của UBND huyện Krông Pa	120,000,000			120,000,000	UBND xã Uar và nhân dân đóng góp
18	Nghĩa trang 02 buôn (buôn Bluk, buôn Thim)	Xã Phú Cần	2.000	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của UBND huyện Krông Pa	600,000,000			600,000,000	UBND xã Phú Cần và nhân dân đóng góp
19	Hoàn thiện lưới điện phân phối tỉnh Gia Lai (đồng bộ dự án KfW3.1)	Xã Uar	0.023	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn	Công văn số 4146/CREB-QLCT ngày 12/10/2020 của Ban quản lý dự án Điện nông thôn Miền Trung Quyết định số 3205/QĐ-EVNCPC ngày 20/4/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung Quyết định số 8422/QĐ-EVNCPC ngày 29/9/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	40,000,000			40,000,000	Vốn ngành điện
20	Khu trữ nước bơm tưới cánh đồng buôn Kơ Nía	Xã Ia Rmok	0.300	Đất trồng cây hàng năm khác	Công văn số 01/ĐX-BQL ngày 21/10/2020 của Ban quản lý khai thác các công trình thiêu lợi huyện Krông Pa Báo cáo 359/BC-UBND ngày 06/11/2020 của UBND huyện Krông Pa					Không bồi thường
21	Bãi rác huyện Krông Pa	Xã Ia Rmok	30.000	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm	Công văn bản số 30/TTr-ĐXDGT ngày 21/10/2020 của Đội xây dựng giao thông và dịch vụ đô thị huyện Krông Pa Báo cáo 359/BC-UBND ngày 06/11/2020 của UBND huyện Krông Pa	10,300,000,000		10,300,000,000		
22	Mở rộng khuôn viên trường THCS Phan Bội Châu	Xã Uar	0.260	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn	Tờ trình số 09/TT-PBC ngày 03/11/2020 của Trường THCS Phan Bội Châu Báo cáo số 359/BC-UBND ngày 06/11/2020 của UBND huyện Krông Pa	70,000,000		70,000,000		
XVII. Huyện Ia Grai			113.665			26,000,000,000		22,000,000,000	4,000,000,000	
1	Cụm công nghiệp huyện Ia Grai	Xã Ia Dêr	52.690	Đất trồng cây lâu năm	Công văn bản số 1696/SCT-KHTCTH ngày 29/10/2020 của Sở Công thương	13,500,000,000		13,500,000,000		
2	Chinh trang đô thị thị trấn Ia Kha	Thị trấn Ia Kha	13.500	Đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Báo cáo số 67/BC-BQL ngày 30/10/2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ia Grai Báo cáo số 699/BC-UBND ngày 11/11/2020 của UBND huyện Ia Grai	2,000,000,000		2,000,000,000		
3	Đường liên xã huyện Ia Grai	Ia Hrun, Ia Bă, Ia Grăng, Ia Tô, Ia Krái, Ia Khai	34.300	Đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Báo cáo số 67/BC-BQL ngày 30/10/2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ia Grai Báo cáo số 699/BC-UBND ngày 11/11/2020 của UBND huyện Ia Grai	2,500,000,000		2,500,000,000		

4	Trung tâm văn hóa thể thao xã	Xã Ia Krái	0.400	Đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn	Báo cáo số 67/BC-BQLDA ngày 30/10/2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ia Grai Báo cáo số 699/BC-UBND ngày 11/11/2020 của UBND huyện Ia Grai	500,000,000		500,000,000		
5	Đường Trần Khánh Dư nổi dài	Thị trấn Ia Kha	0.160	Đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Báo cáo số 67/BC-BQL ngày 30/10/2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ia Grai Báo cáo số 699/BC-UBND ngày 11/11/2020 của UBND huyện Ia Grai	300,000,000		300,000,000		
6	Khu di tích lịch sử cấp tỉnh Chư Nghé	Xã Ia Krái	0.400	Đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn	Báo cáo số 67/BC-BQLDA ngày 30/10/2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ia Grai Báo cáo số 699/BC-UBND ngày 11/11/2020 của UBND huyện Ia Grai	300,000,000		300,000,000		
7	Nâng cấp mở rộng đường Võ Thị Sáu, Lý Thái Tổ, Trần Phú nổi dài	Thị trấn Ia Kha	3.150	Đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Báo cáo số 67/BC-BQL ngày 30/10/2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ia Grai Báo cáo số 699/BC-UBND ngày 11/11/2020 của UBND huyện Ia Grai	1,500,000,000		1,500,000,000		
8	Mở rộng dân cư thôn 3	Xã Ia Krái	2.400	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 09/11/2011 của UBND huyện Ia Grai	1,000,000,000		1,000,000,000		
9	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 3	Xã Ia Krái	0.120	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 09/11/2011 của UBND huyện Ia Grai	200,000,000		200,000,000		
10	Sân vận động xã	Xã Ia Krái	2.000	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 09/11/2011 của UBND huyện Ia Grai	200,000,000		200,000,000		
11	Giáo xứ Ia Tô	Xã Ia Tô	0.650	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn	Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 08/8/2013 của UBND tỉnh Gia Lai					Không bồi thường (dân hiến đất)
12	Chùa Khánh Hưng	Xã Ia Yok	0.430	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn	Công văn số 1870/UBND-KGVX ngày 27/8/2019 của UBND tỉnh Gia Lai Quyết định số 115/QĐ-BTS ngày 03/9/2019 của Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Gia Lai					Không bồi thường (dân hiến đất)
13	Trạm biến áp 110 kV Ia Grai và nhánh rẽ	Các xã, thị trấn	1.490	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn	Công văn số 5150/NPMU ngày 14/9/2020 của Ban quản lý dự án Lưới điện miền Trung	2,000,000,000			2,000,000,000	Vốn ngành điện
14	Hoàn thiện lưới điện trung áp sau TBA 110 kV Ia Grai và nhánh rẽ	Các xã: Ia Grăng, Ia Hrun, Ia Sao, Ia Yok, Ia Krái, Ia O, Ia Péch, Ia Bă và Ia Tô	0.400	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất ở tại nông thôn và đất giao thông	Công văn số 5150/NPMU ngày 14/9/2020 của Ban quản lý dự án Lưới điện miền Trung	500,000,000			500,000,000	Vốn ngành điện

15	Đầu nối 110 kV sau TBA 500 kV Pleiku 2	Các xã: Ia Pêch và Ia Grăng	1.575	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất (đất trồng và đất rừng trồng) và đất ở tại nông thôn	Công văn số 4162/CREB-ĐB ngày 12/10/2020 của Ban quản lý dự án Điện nông thôn Miền Trung Quyết định số 5738/QĐ-EVNCPC ngày 08/7/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	1,500,000,000				1,500,000,000	Vốn ngành điện
	Tổng cộng		1,875.641			1,511,560,122,476	65,186,130,976	266,795,966,500	1,179,578,025,000		